

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-4-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1998 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1998 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2022 và đơn xin vắng mặt ngày 29/3/2022 chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh M chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M không chăm lo cho gia đình, anh M có quan hệ với người phụ nữ khác, chị và anh M đã ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh M có 02 người con chung tên Nguyễn Gia Mỹ, sinh ngày 04/3/2016 và Nguyễn Gia Thịnh, sinh ngày

06/3/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/một người con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên đơn xin vắng mặt ngày 29/3/2022 chị xin rút lại đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Tại đơn xin vắng mặt ngày 21/4/2022, bị đơn anh Nguyễn Thanh M trình bày:* Về hôn nhân yêu cầu được giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung thống nhất có 02 người con chung tên Nguyễn Gia Mỹ, sinh ngày 04/3/2016 và Nguyễn Gia Thịnh, sinh ngày 06/3/2018 nếu chị N không nuôi được thì để anh nuôi. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ: Thống nhất như chị N trình bày. Do điều kiện đi làm nên xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Thanh M có nơi cư trú tại ấp Minh Hà A, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh M tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh M là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị N và anh M có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Thanh M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị và anh không đăng ký kết hôn theo luật định. Chị N và anh M không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị và anh đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Xét, mâu thuẫn giữa chị N và anh M là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Chị và anh M có 02 người con chung tên Nguyễn Gia Mỹ, sinh ngày 04/3/2016 và Nguyễn Gia Thịnh, sinh ngày 06/3/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con.

Xét, con chung tên Gia Mỹ và Gia Thịnh. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi con. Từ khi chị và anh M sống ly thân đến nay các cháu Mỹ và Thịnh sống cùng với chị, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Tiếp tục giao các cháu Nguyễn Gia Mỹ, sinh ngày 04/3/2016 và Nguyễn Gia Thịnh, sinh ngày 06/3/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Chị N và anh M không đặt ra việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị N và anh M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Thanh M là vợ chồng.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia Mỹ, sinh ngày 04/3/2016 và Nguyễn Gia Thịnh, sinh ngày 06/3/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 04/3/2022 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004494 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

